TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH TN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: **31**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

2. Ông Nguyễn Quang Huy

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn – Thư ký Toà án nhân dân thành phố TN tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc, Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình về việc kiện tranh chấp ly hôn thụ lý số 794/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX ngày 05/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Hương G, sinh năm 1989 (có mặt tại phiên tòa)

HKTT: Tổ 6, phường GS, TP TN, tỉnh TN

Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1981 (vắng mặt tại phiên tòa)

HKTT: Tổ 6, phường GS, TP TN, tỉnh TN

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Dương Hương G trình bày:

Chị Dương Hương G kết hôn với anh Nguyễn anh T năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường GS, thành phố TN, tỉnh TN. Hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do bất hòa về việc làm ăn kinh tế. Anh T không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, không thể tiếp tục chung sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016

đến nay.

Tại phiên tòa chị G xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Có hai con chung tên là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn QA, sinh ngày 27/02/2012. Khi ly hôn chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn QA, sinh ngày 27/02/2012, anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 13/7/2009, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, tại bản tự khai anh T trình bày:

Năm 2008 anh kết hôn với chị Dương Hương G, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường GS, TP TN, tỉnh TN. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không thể tiếp tục chung sống được. Chị G đề nghị được ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Có hai con chung tên là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn QA, sinh ngày 27/02/2012. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 13/7/2009, nhất trí để chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn QA, sinh ngày 27/02/2012, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Tiến D và cháu Nguyễn QA đã trên 7 tuổi, Tòa án nhân dân thành phố TN đã tiến hành lấy lời khai của cháu D và cháu Anh. Cháu D có nguyện vọng được ở với bố, cháu QA có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố TN phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị G được ly hôn với anh T, giao con chung Nguyễn QA cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Tiến D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân gia đình, được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; anh T có hộ khẩu thường trú tại tổ 6, phường GS, thành phố TN, tỉnh TN căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố TN.

Anh Nguyễn Anh T đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Anh T.

Về nội dung:

[2] Chị Dương Hương G và anh Nguyễn Anh T kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường GS, thành phố TN, tỉnh TN, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, chị G xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh T yêu cầu ly hôn để giải phóng cho nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự để hàn gắn tình cảm vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng chị G kiên quyết xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Anh T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống được, chị G đề nghị được ly hôn anh T nhất trí.

[4] Toà án hoà giải, cho các đương sự thời gian để có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng và thỏa thuận về con chung khi ly hôn, nhưng cả chị G và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Dương Hương G với anh Nguyễn Anh T, cho chị G được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế.

[5] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 13/7/2009 và Nguyễn QA, sinh ngày 27/02/2012. Chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn QA, sinh ngày 27/02/2012, anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 13/7/2009. Xét thấy, chị G và anh T đều có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, cháu D có nguyện vọng được ở bố, cháu QA có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn QA, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Chị G, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về khoản nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[9] Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51,56, 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Dương Hương G và anh Nguyễn Anh T. Cho chị Dương Hương G được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn QA, sinh ngày 27/02/2012 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 13/7/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị G, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Dương Hương G phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000804 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN;

6. Quyền kháng cáo: Chị Dương Hương G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP. TN;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh TN;
- THADS TP. TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà